

**NGHỊ ĐỊNH** của Hội đồng Bộ trưởng số 171-HĐBT ngày 27-5-1991 ban hành bản Quy định cụ thể thủ tục hải quan và lệ phí hải quan.

## HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ điều 12 của Pháp lệnh hải quan ngày 20 tháng 2 năm 1990;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.** — Nay ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy định cụ thể thủ tục hải quan và lệ phí hải quan.

**Điều 2.** — Bãi bỏ những quy định trong các văn bản đã ban hành trước đây của Hội đồng Bộ trưởng về thủ tục hải quan và lệ phí hải quan trái với những điều khoản trong bản Quy định này.

**Điều 3.** — Bản Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T. M. Hội đồng Bộ trưởng

K. T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIẾT

**QUY ĐỊNH** của Hội đồng Bộ trưởng về thủ tục hải quan và lệ phí hải quan.

(Ban hành kèm theo nghị định số 171-HĐBT ngày 27 tháng 5 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng)

Đề việc kiểm tra, kiểm soát hải quan phục vụ đúng chính sách của Nhà nước về phát triển quan hệ kinh tế và văn hóa với nước ngoài, mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế, bảo vệ lợi ích, chủ quyền và an ninh quốc gia, Hội đồng Bộ trưởng quy định cụ thể thủ tục hải quan và lệ phí hải quan như sau:

### Chương I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN

**Điều 1.** — Hàng hóa, hành lý, ngoại hối, tiền Việt Nam, bưu kiện, bưu phẩm, văn hóa phẩm, ấn phẩm tài liệu, các đồ vật và tài sản xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh mượn đường Việt Nam (gọi chung là đối tượng kiểm tra, giám sát hải quan) khi qua lại biên giới Việt Nam phải làm thủ tục hải quan theo quy định của Nghị định này.

**Điều 2.** — Đối tượng kiểm tra, giám sát hải quan ghi ở điều 1 (trừ hành lý, ngoại hối, tiền Việt Nam, phương tiện vận tải) khi xuất khẩu, nhập khẩu phải có giấy phép của Bộ Thương nghiệp, hoặc Tổng cục Hải quan cấp. Trường hợp các đối tượng trên thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành, còn phải có giấy chứng nhận được phép xuất khẩu, nhập khẩu của cơ quan chủ quản cấp.

09653136

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com



Liên Bộ Thương nghiệp — Tổng cục Hải quan quy định cụ thể thẩm quyền cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu đối với các đối tượng quy định tại điều này.

**Điều 3. — Trình tự thủ tục hải quan :**

1. Trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày kể từ khi hàng nhập khẩu và 24 giờ sau khi phương tiện vận tải nhập cảnh và 2 giờ trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh, chủ hàng hoặc người đại diện, người chỉ huy hoặc người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh phải nộp tờ khai hải quan theo mẫu của Tổng cục Hải quan ấn hành và các giấy tờ cần thiết khác (gọi chung là hồ sơ hải quan) có kèm theo chữ ký của mình. Sau khi hải quan tiếp nhận, hồ sơ hải quan không được sửa chữa, thêm bớt.

Thời điểm đối tượng kiểm tra hải quan bắt đầu chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan được tính từ thời điểm hải quan tiếp nhận hồ sơ hải quan.

2. Đối tượng kiểm tra hải quan khi nhập khẩu làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập đầu tiên; khi xuất khẩu làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu xuất cuối cùng.

Riêng đối với hàng kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu có thể làm thủ tục hải quan tại nơi nào chủ hàng thấy thuận tiện nhất.

Địa điểm kiểm tra tại cửa khẩu cảng biển, cảng sông, cảng hàng không dân dụng quốc tế, cửa khẩu biên giới đường bộ, ga tàu liên vận quốc tế bằng đường sắt, bưu cục ngoại dịch, bưu cục kiểm quan, trạm trả hàng nhập khẩu.

Nếu có yêu cầu của chủ hàng hóa, hành lý, chủ phương tiện vận tải và được hải quan chấp nhận thì việc kiểm tra hải quan được tiến hành tại địa điểm khác ở nội địa : Cơ quan, tổ chức xã hội, tổ chức kinh doanh, vận tải, giao nhận hàng hóa, hành lý xuất khẩu, nhập khẩu.

Trong trường hợp này, các tổ chức nói trên phải tạo điều kiện làm việc cho nhân viên hải quan và chịu phí tồn phát sinh.

3. Căn cứ vào kết quả kiểm tra, số thuế xuất khẩu, nhập khẩu phải nộp ghi trên tờ khai hải quan và giấy báo thuế, chủ hàng có nghĩa vụ nộp đúng, nộp đủ theo luật định, làm các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nộp lệ phí hải quan.

4. Khi hồ sơ hải quan bảo đảm hợp lệ, nhân viên hải quan xác nhận việc hoàn thành thủ tục hải quan vào tờ khai hải quan, đồng thời giao chủ đối tượng kiểm tra hải quan giữ một bản.

**Điều 4. — Giám sát hải quan :**

1. Trong thời gian đối tượng kiểm tra hải quan chịu sự giám sát hải quan, hải quan cửa khẩu tiến hành giám sát việc xếp, dỡ, vận chuyển, bảo quản tại kho hoặc trên phương tiện vận tải chuyên dụng.

2. Hàng hóa, hành lý xuất khẩu đã làm thủ tục hải quan nhưng chưa thực xuất: hàng hóa, hành lý nhập khẩu nhưng chưa hoàn thành thủ tục hải quan, phải được bảo quản theo quy chế kho đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Nhân viên hải quan có nhiệm vụ :

a) Giám sát việc di chuyển hàng hóa, hành lý trong kho, lấy mẫu hàng, thay đổi hoặc gia cố bao bì các kiện hàng hóa.

b) Giám sát khi có hàng hóa, hành lý xuất, nhập kho.

c) Mở niêm phong, cấp chỉ hải quan với sự chứng kiến của chủ kho.

Tổng cục Hải quan quy định cụ thể quy chế kho đối với hàng hóa, hành lý xuất khẩu, nhập khẩu.

**Điều 5. — Lệ phí hải quan.**



Chủ đối tượng kiểm tra hải quan phải nộp lệ phí hải quan trong trường hợp sau đây:

1. Hàng hóa, hành lý ký gửi và lưu kho hải quan.

2. Hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải yêu cầu làm thủ tục hải quan tại các địa điểm ở nội địa theo quy định tại khoản 2 điều 3 Nghị định này.

3. Hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải phải thực hiện chế độ áp tải, niêm phong, cấp chì hải quan.

4. Hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải quá cảnh, mượn đường Việt Nam, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác cho nước ngoài.

5. Hàng hóa, hành lý yêu cầu hải quan cấp lại các chứng từ hải quan.

Tổng cục Hải quan cùng với Bộ Tài chính quy định cụ thể về mức thu lệ phí và sử dụng các khoản lệ phí này.

## Chương II

### THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA, HÀNH LÝ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Điều 6. — Đối với hàng hóa kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu, tờ khai hải quan phải kèm theo:

a) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ Thương nghiệp cấp.

b) Bản kê chi tiết hàng hóa (đối với hàng hóa đóng gói không cùng chủng loại).

c) Vận đơn (bản sao) đối với hàng nhập khẩu.

d) Trong trường hợp nghi vấn, hải quan tạm ngừng làm thủ tục, đồng thời thông báo cho Bộ Thương nghiệp xác minh để làm rõ hồ sơ hải quan.

Điều 7. — Đối với nguyên liệu, hàng hóa nhập khẩu để làm hàng gia công xuất khẩu, tờ khai hải quan phải kèm theo:

— Khi nhập khẩu.

a) Giấy phép nhập nguyên liệu, hàng hóa do Bộ Thương nghiệp cấp.

b) Bản kê chi tiết hàng hóa (đối với hàng hóa đóng gói không cùng chủng loại).

c) Vận đơn (bản sao).

— Khi xuất khẩu:

a) Giấy phép xuất hàng gia công của Bộ Thương nghiệp cấp.

b) Bản kê chi tiết hàng hóa (đối với hàng hóa đóng gói không cùng chủng loại).

Bộ Thương nghiệp phối hợp với Tổng cục Hải quan quy định chế độ kiểm tra, giám sát hàng gia công xuất khẩu.

Điều 8. — Đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu của tổ chức đầu tư và chuyển giao công nghệ:

1. Phải khai cụ thể vào từng loại tờ khai hải quan:

a) Hàng nhập khẩu để góp vào vốn đầu tư nước ngoài của xí nghiệp hoặc một phần tổng số vốn đầu tư của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Hàng nhập để sản xuất hàng xuất khẩu.

c) Hàng xuất của tổ chức đầu tư và chuyển giao công nghệ.

2) Tờ khai hải quan phải kèm theo:

a) Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu do Bộ Thương nghiệp cấp.

b) Bản kê chi tiết hàng hóa (đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu đóng gói không cùng chủng loại).

c) Vận đơn (bản sao).

Điều 9. — Đối với hàng quá cảnh, mượn đường phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập đầu tiên và cửa khẩu xuất cuối cùng. Hàng hóa vận chuyển phải xuất nhập đúng cửa khẩu, đi đúng



tuyến đường, đúng thời gian, quy định và thực hiện chế độ áp tải hoặc niêm phong, cấp chỉ hải quan.

1. Tờ khai hải quan phải kèm theo:

a) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ Thương nghiệp cấp nếu là hàng quá cảnh. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu do Tổng cục Hải quan cấp nếu là hàng mượn đường.

b) Bản kê chi tiết hàng hóa.

c) Vận đơn (bản sao) đối với hàng nhập. Riêng hàng mượn đường thì không cần có vận đơn.

2. Nếu hàng xuất khẩu, nhập khẩu quá cảnh, mượn đường Việt Nam phải tạm nhập kho riêng để chờ vận chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc tái chế phải thực hiện quy chế kho đối với hàng hóa hành lý xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại điều 4 của Nghị định này. Trường hợp đặc biệt, hàng hóa phải tiêu thụ tại Việt Nam thì phải làm thủ tục hải quan theo quy định tại điều 6 Nghị định này.

3. Hàng quá cảnh ủy thác cho tổ chức xuất nhập khẩu Việt Nam xuất khẩu, nhập khẩu thì tổ chức được ủy thác phải thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại điều này.

4. Liên bộ Bộ Thương nghiệp — Tổng cục Hải quan quy định chi tiết thi hành điều này.

*Điều 10.* — Đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu để dự hội chợ, triển lãm:

1. Chủ hàng hoặc người đại diện phải làm tờ khai hải quan riêng cho từng loại hàng sau:

— Hàng tạm xuất, sau hội chợ, triển lãm sẽ tái nhập; hàng tạm nhập, sau hội chợ, triển lãm sẽ tái xuất.

— Hàng bán trong hội chợ, triển lãm.

— Hàng bán sau hội chợ, triển lãm.

— Hàng làm quà biếu trong thời gian hội chợ, triển lãm.

— Hàng phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của chủ hàng có hàng dự hội chợ, triển lãm.

2. Tờ khai hải quan phải kèm theo:

a) Giấy phép xuất hàng, nhập hàng của Bộ Thương nghiệp cấp.

b) Bản kê chi tiết hàng hóa.

3. Hàng nhập khẩu có thể được khai báo tại Hải quan cửa khẩu và tiếp tục hoàn thành thủ tục hải quan tại địa điểm tổ chức hội chợ triển lãm.

*Điều 11.* — Đối với hàng mẫu, hàng quảng cáo xuất khẩu, nhập khẩu, tờ khai hải quan phải kèm theo:

a) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa do Tổng cục Hải quan cấp.

b) Bản kê chi tiết hàng hóa.

Bộ thương nghiệp cùng Tổng cục Hải quan quy định thể lệ, tiêu chuẩn hàng mẫu, hàng quảng cáo.

*Điều 12.* — Đối với hàng hóa mua bán, trao đổi với các chủ phương tiện vận tải nước ngoài tại khu vực cảng biển, cảng sông, cảng hàng không dân dụng quốc tế của Việt Nam.

1. Tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu muốn mua bán, trao đổi hàng hóa với các chủ phương tiện vận tải ngoài nước phải được Bộ Thương nghiệp cấp giấy phép kinh doanh.

2. Tờ khai hải quan phải kèm theo:

a) Giấy phép xuất, nhập từng chuyến hàng do Bộ Thương nghiệp cấp.

b) Đối với hàng hóa, vật phẩm cung ứng cho các phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, tổ chức cung ứng phải nộp cho hải quan: Tờ khai hải quan kèm theo đơn yêu cầu của chủ phương tiện vận tải; bản thanh khoản sau khi giao hàng.

*Điều 13.* — Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các cửa hàng miễn thuế trong khu vực cảng biển, cảng hàng không dân



dụng quốc tế phải làm thủ tục hải quan như quy định tại điều 6 Nghị định này.

**Điều 14.** — Hàng hóa mua bán, trao đổi phục vụ nhu cầu sinh hoạt giữa người cư trú trong khu vực biên giới Việt Nam và người cư trú trong khu vực nước tiếp giáp phải được thực hiện phù hợp với những thỏa thuận đã ký kết về hải quan và quy chế biên giới giữa Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam với nước láng giềng tiếp giáp.

Trường hợp chưa có thỏa thuận giữa 2 nước thì thủ tục hải quan thực hiện theo quy định của Nghị định này.

**Điều 15.** — Đối với hàng viện trợ xuất khẩu, nhập khẩu, tờ khai hải quan phải kèm theo:

- a) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, do Bộ Thương nghiệp cấp.
- b) Bản kê chi tiết hàng hóa.
- c) Vận đơn (bản sao đối với hàng nhập khẩu).

**Điều 16.** — Đối với hàng tiếp tế và quà biếu xuất khẩu, nhập khẩu tờ khai hải quan phải kèm theo:

- a) Sổ gửi và nhận hàng do Tổng cục Hải quan cấp thay cho giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu (đối với người thường xuyên gửi và nhận hàng).
- b) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu do Tổng cục Hải quan cấp (đối với người không thường xuyên gửi và nhận hàng).

**Điều 17.** — Đối với tài sản di chuyển, tài sản thừa kế xuất khẩu, nhập khẩu, tờ khai hải quan phải kèm theo:

- a) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tài sản di chuyển, tài sản thừa kế do Tổng cục Hải quan cấp.
- b) Bản kê chi tiết tài sản.

Tài sản di chuyển, tài sản thừa kế xuất khẩu, nhập khẩu không bao gồm hàng cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu.

**Điều 18.** — Đối với hàng hóa, hành lý xuất khẩu, nhập khẩu trôi dạt, vớt bỏ, nhằm lẫn:

Chủ hàng hóa, hoặc chủ phương tiện vận tải có hàng hóa, hành lý xuất khẩu, nhập khẩu trôi dạt, vớt bỏ, nhằm lẫn, được làm thủ tục hải quan để nhận lại nhưng phải kèm theo:

- a) Đơn xin nhận lại hàng của chủ hàng, chủ phương tiện vận tải kèm theo chứng từ chứng minh là hàng hóa của mình.
- b) Phải thanh toán mọi phí tổn phát sinh.

**Điều 19.** — Đối với hành lý, ngoại hối, tiền Việt Nam xuất khẩu, nhập khẩu:

1. Ngay sau khi hành lý tới cửa khẩu (bao gồm hành lý xách tay và hành lý ký gửi cùng chuyến (chủ hành lý phải khai báo và nộp tờ khai hải quan cho hải quan cửa khẩu).

2. Hành khách nhập cảnh là công dân nước ngoài và công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài, trong tờ khai hải quan có khai vật dụng là hàng tạm nhập, khi xuất cảnh phải mang ra đúng số lượng, chủng loại vật dụng đó. Hành khách xuất cảnh là công dân Việt Nam khi xuất cảnh có khai báo vật dụng là hàng tạm xuất, khi nhập cảnh phải mang về đúng số lượng, chủng loại vật dụng đó.

3. Vật dụng là hàng tạm nhập, tạm xuất nói tại khoản 2 điều này nếu không tái xuất, không tái nhập sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp lệnh hải quan.

4. Hành khách bao gồm cả công dân Việt Nam khi nhập cảnh có mang tư trang bằng kim loại quý, đá quý, ngoại tệ phải khai vào tờ khai hải quan đúng số lượng mang theo.

Khi xuất cảnh, được mang ra số kim loại quý, đá quý với số lượng, trọng lượng, chất lượng tối đa bằng số lượng đã mang vào khi nhập cảnh, được mang



ra số ngoại tệ còn lại sau khi đã chi dùng tại Việt Nam.

Riêng công dân Việt Nam khi xuất cảnh có mang theo tư trang bằng kim loại quý, đá quý, không phải xuất trình giấy phép nếu số lượng mang theo đúng với số lượng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Trường hợp vượt mức quy định của Ngân hàng thì phải có giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoại tệ mang theo phải có giấy phép của Ngân hàng.

Tổng cục Hải quan cùng với Bộ Thương nghiệp, Bộ Tài chính xây dựng tiêu chuẩn hành lý xuất khẩu, nhập khẩu trình Hội đồng Bộ trưởng.

Hải quan phải niêm yết các quy định của Nhà nước về xuất, nhập khẩu hành lý, ngoại hối, tiền Việt Nam tại các cửa khẩu.

**Điều 20.** — Đối với vật dụng xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ công tác và sinh hoạt của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế có trụ sở thường trực tại Việt Nam và của cá nhân người nước ngoài làm việc tại các cơ quan này, và các tổ chức, người nước ngoài khác, tờ khai hải quan phải kèm theo:

a) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu do Tổng cục Hải quan cấp.

b) Bản kê chi tiết các vật dụng.

c) Vận đơn (bản sao) đối với vật dụng nhập khẩu.

d) Nếu là vật dụng tái xuất: phải kèm theo chứng từ khi tạm nhập.

**Điều 21.** — Đối với hành lý xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh của người được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao:

1. Hành lý và phương tiện vận tải xuất, nhập của những người sau đây được miễn thủ tục hải quan:

a) Lãnh đạo, đoàn viên các đoàn đại biểu Đảng, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Chấp hành Trung ương của các đoàn thể trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đi công tác nước ngoài và trở về.

b) Lãnh đạo, đoàn viên các đoàn đại biểu, các cá nhân là khách mời của Trung ương Đảng, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Chấp hành Trung ương của các đoàn thể trong Mặt trận vào thăm Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tham dự các hội nghị tại Việt Nam.

2. Hành lý và phương tiện vận tải của những người sau đây được miễn kiểm tra hải quan:

a) Những người mang hộ chiếu ngoại giao do Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp hoặc do Bộ Ngoại giao của những nước đã công nhận Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp.

b) Gia đình những người nói ở mục a, khoản 2 của điều này, bao gồm vợ (hoặc chồng) các con chưa đến tuổi thành niên cùng đi.

c) Những người được Tổng cục Hải quan cấp giấy miễn kiểm tra hải quan.

Tổng cục Hải quan cùng với Bộ Ngoại giao hướng dẫn cụ thể việc thực hiện quy định của điều này.

**Điều 22.** — Đối với bưu kiện, bưu phẩm xuất khẩu, nhập khẩu, căn cứ vào tính chất của vật dụng xuất khẩu, nhập khẩu trong bưu kiện, bưu phẩm, vật dụng thuộc đối tượng nào thì áp dụng quy định thủ tục hải quan theo đối tượng đó.



## Chương III

**THỦ TỤC HẢI QUAN  
ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI  
XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH**

**Điều 23.** — Đối với máy bay xuất cảnh, nhập cảnh:

1. Chỉ huy trung tâm điều hành sân bay thông báo kịp thời cho hải quan tại sân bay về giờ máy bay hạ cánh, cất cánh đối với máy bay không theo lịch bay thường xuyên.

2. Ngay sau khi máy bay hạ cánh và trước một giờ máy bay cất cánh, lái trưởng máy bay phải khai báo và nộp cho hải quan tại sân bay những giấy tờ sau đây:

a) Lược khai hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm và hành lý ký gửi xuất khẩu, nhập khẩu.

b) Danh sách và tờ khai hành lý của tổ lái và những người làm việc trên máy bay.

c) Danh sách hành khách xuất cảnh, nhập cảnh.

**Điều 24.** — Đối với tàu thuyền xuất cảnh, nhập cảnh:

1. Cảng vụ thông báo kịp thời cho hải quan tại cảng về giờ tàu, thuyền tới phao số « 0 ».

2. Chậm nhất là 12 giờ kể từ khi tàu, thuyền tới phao số « 0 » và 2 giờ trước khi tàu, thuyền rời bến xuất cảnh, thuyền trưởng (hoặc người đại diện) phải khai báo và nộp cho hải quan tại cảng những giấy tờ sau đây:

a) Lược khai hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, hành lý ký gửi xuất khẩu, nhập khẩu, kê cả hàng hóa quá cảnh (nếu có).

b) Danh sách và tờ khai hành lý của sĩ quan, thuyền viên.

c) Tờ khai lương thực, thực phẩm, nhiên liệu, vật liệu của tàu, thuyền.

d) Tờ khai ngoại tệ của tàu, thuyền.

e) Danh sách hành khách (nếu có).

g) Tờ khai hành lý của hành khách (đối với khách nhập cảnh rời khỏi tàu, thuyền). Nếu hành khách không rời khỏi tàu, thuyền chỉ phải khai hành lý mang theo mỗi khi đi bờ. Đối với hành khách xuất cảnh phải làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa và hành lý mang theo.

3. Thuyền trưởng xuất trình cho hải quan:

a) Sổ nhật ký hành trình của tàu, thuyền.

b) Sơ đồ hầm hàng.

**Điều 25.** — Đối với tàu liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh bằng đường sắt:

**A — Tàu liên vận quốc tế xuất cảnh bằng đường sắt:**

1. Khi đoàn tàu xuất cảnh khởi hành từ một ga liên vận nội địa, Trưởng tàu phải nộp cho hải quan tại ga những giấy tờ sau đây:

a) Lược khai hàng hóa xuất khẩu, kê cả hàng quá cảnh và hàng mượn đường (nếu là tàu chuyên chở hàng hóa).

b) Danh sách hành khách và phiếu ký gửi hành lý không theo người của hành khách (nếu là tàu chuyên chở hành khách).

2. Khi đoàn tàu tới ga biên giới, Trưởng tàu phải nộp cho hải quan tại ga những giấy tờ sau đây:

a) Tờ khai thành phần đoàn tàu, danh sách, tờ khai hành lý nhân viên phục vụ.

b) Lược khai hàng hóa xuất khẩu, kê cả hàng quá cảnh, mượn đường, các vận đơn (nếu là tàu chuyên chở hàng hóa).

c) Danh sách hành khách và phiếu ký gửi hành lý không theo người của hành



khách (nếu là tàu chuyên chở hành khách).

d) Tờ khai nhiên liệu, vật liệu, lương thực, thực phẩm của đoàn tàu.

**B — Tàu liên vận quốc tế nhập cảnh bằng đường sắt :**

1. Khi đoàn tàu nhập cảnh tới ga biên giới, Trưởng tàu nộp cho hải quan tại ga những giấy tờ sau đây :

a) Lược khai thành phần đoàn tàu, danh sách và tờ khai hành lý nhân viên phục vụ.

b) Lược khai hàng hóa nhập khẩu hoặc giấy giao tiếp thay thế các vận đơn (bản sao), các giấy tờ liên quan đến hàng hóa (nếu có), kể cả hàng quá cảnh, mượn đường (nếu là tàu chuyên chở hàng hóa).

c) Các phiếu gửi hành lý không theo người (nếu là tàu chuyên chở hành khách).

d) Tờ khai nhiên liệu, vật liệu, lương thực, thực phẩm của đoàn tàu.

e) Bản trích lược khai hàng hóa dỡ xuống từng ga nội địa.

2. Khi đoàn tàu tới ga liên vận nội địa, Trưởng tàu phải nộp cho Hải quan tại ga :

a) Bản trích lược khai hàng hóa nhập khẩu được hải quan ga liên vận biên giới cho phép chuyển về nội địa để làm thủ tục hải quan; các vận đơn (bản sao).

b) Giấy giao tiếp hàng quá cảnh, mượn đường vận chuyển (nếu có).

3. Tổng cục Hải quan cùng với Bộ Giao thông vận tải và Bru điện quy định chi tiết việc thực hiện điều 22, 25 của Nghị định này.

**Điều 26. — Đối với ô-tô xuất cảnh, nhập cảnh :**

1. Ô-tô Việt Nam xuất cảnh là tạm xuất, phải tái nhập. Ô-tô nước ngoài nhập cảnh là tạm nhập, phải tái xuất.

2. Bộ Giao thông vận tải và Bru điện quy định tiêu chuẩn đối với ô-tô xuất cảnh, nhập cảnh chuyên chở hành khách, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại điều này theo tập quán quốc tế.

3. Ô-tô xuất cảnh, nhập cảnh tới cửa khẩu biên giới phải dừng lại và đỗ đúng nơi quy định để làm thủ tục hải quan.

Chủ hàng hoặc người lái xe phải khai báo và nộp cho hải quan cửa khẩu những giấy tờ sau đây :

a) Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

b) Tờ khai hành lý hoặc sổ hành lý xuất khẩu, nhập khẩu của lái xe (đối với lái xe Việt Nam thường xuyên qua lại biên giới, do hải quan cấp tỉnh cấp).

c) Danh sách hành khách và tờ khai hành lý của hành khách.

**Điều 27. — Đối với phương tiện vận tải quân sự có chuyên chở hành khách và hàng hóa dân sự :**

1. Nếu phương tiện vận tải quân sự xuất cảnh, nhập cảnh có chuyên chở hàng hóa dân sự phải làm thủ tục hải quan như đối với các phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khác.

2. Tổng cục Hải quan cùng với Bộ Quốc phòng quy định chi tiết thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải quân sự xuất cảnh, nhập cảnh chuyên chở hàng quân sự và quân nhân qua lại biên giới quốc gia.

**Điều 28. — Đối với phương tiện vận tải quá cảnh, mượn đường Việt Nam :**

1. Ngay sau khi tới cửa khẩu, người chỉ huy, người điều khiển phương tiện vận tải phải khai báo và nộp cho hải quan cửa khẩu tờ khai hải quan và các giấy tờ cần thiết như các phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh khác.



2. Người chỉ huy, người điều khiển phương tiện vận tải phải thực hiện đúng các điều mà hải quan cửa khẩu ghi trên tờ khai:

- a) Hành trình.
  - b) Cửa khẩu xuất cảnh.
3. Phải thực hiện chế độ áp tải hoặc chế độ niêm phong hải quan.

*Điều 29.* — Đối với phương tiện vận tải khác (phương tiện vận tải thô sơ, thuyền, ca-nô...) khi xuất cảnh, nhập cảnh qua biên giới quốc gia, chủ phương tiện phải khai báo và nộp cho hải quan cửa khẩu những giấy tờ sau:

- a) Lược khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (nếu có).
- b) Tờ khai hành lý của chủ hoặc của người đại diện và của những người làm việc trên phương tiện vận tải và của hành khách (nếu có).

#### Chương IV

#### ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

*Điều 30.*— Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm ban hành thông tư hướng dẫn chi tiết thi hành các điều khoản trong bản Quy định này.

Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước và Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm quy định, hướng dẫn chi tiết thi hành những phần có liên quan để thi hành các điều khoản trong bản Quy định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng  
K.T. Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
VÕ VĂN KIỆT

## CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

**QUYẾT ĐỊNH** của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 157-CT ngày 16-5-1991 về chế độ đối với hàng hóa và ngoại tệ của Việt kiều mang theo khi về nước thăm gia đình và của người Việt Nam định cư ở nước ngoài gửi về nước giúp đỡ người thân.

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

*Căn cứ Luật Tờ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;*

*Để việc mang theo hàng hóa và ngoại tệ của Việt kiều khi về nước thăm gia đình và của những người Việt Nam định cư ở nước ngoài gửi về nước giúp người thân phù hợp với nhu cầu của đất nước và cơ chế quản lý mới,*

### QUYẾT ĐỊNH:

*Điều 1.* -- Đối với hàng hóa của Việt kiều mang theo hoặc gửi chậm khi về nước thăm gia đình, ngoài hành lý và đồ dùng cá nhân (như quy định của Tổng cục Hải quan theo tập quán quốc tế), nay quy định như sau:

- a) Những mặt hàng mà Nhà nước đã cấm nhập khẩu thì tuyệt đối không được mang theo hoặc gửi chậm về nước.
- b) Những mặt hàng mà Nhà nước đã có Chỉ thị tạm ngừng nhập khẩu thì tạm ngừng mang theo hoặc gửi chậm về nước (như ô-tô du lịch từ 15 chỗ ngồi trở xuống và xe hai bánh gắn máy...).